

PHÒNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

147x08
08CK

Môn học : Chuỗi cung ứng căn bản - MH1104302

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110430201 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 22/5/2025 Giờ thi: 10h Phòng thi: 11.12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu	An	09/10/2005	C26LG1		7.5	bảy, năm	
2	2410150015	Nguyễn Nhật	An	18/10/2006	C26LG1		7.5	bảy, năm	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc	Bảo	14/05/2006	C26LG1		8	tám	
4	2410150016	Lê Trần Gia	Bảo	14/08/2006	C26LG1		7	bảy	L2
5	2410150014	Nguyễn Ngọc	Diệu	22/10/2006	C26LG1		6.5	sáu, năm	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004	C26LG1		9	chín	
7	2410150004	Nguyễn	Đạt	29/7/2006	C26LG1		7.5	bảy, năm	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng	Gia	09/01/2005	C26LG1		7.5	bảy, năm	
9	2410150022	Trần Gia	Hân	26/08/2006	C26LG1		6.5	sáu, năm	
10	2410150030	Nguyễn Thanh	Khiêm	14/10/2006	C26LG1		6.5	sáu, năm	
11	2410150021	Lê Bá Đăng	Khoa	18/12/2006	C26LG1		6.5	sáu, năm	
12	2410150023	Phạm Anh	Khôi	23/10/2006	C26LG1		7.5	bảy, năm	
13	2410150013	Võ Thị Kiều	Lam	20/11/2006	C26LG1		7	bảy	
14	2410150011	Phạm Thị Yên	Nhi	22/09/2006	C26LG1		7	bảy	
15	2410150020	Lê Hữu	Nhật	19/10/2005	C26LG1		7.5	bảy, năm	L2
16	2410150024	Nguyễn Minh	Tân	02/05/2006	C26LG1		7	bảy	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc	Thảo	27/10/2006	C26LG1		7.5	bảy, năm	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch	Thảo	31/10/2006	C26LG1		7.5	bảy, năm	
19	2410010013	Ngô Thiên	Thuận	10/11/2006	C26LG1		7	bảy	
20	2410150002	Lê Anh	Thư	19/01/2003	C26LG1		8	tám	
21	2410150019	Nguyễn Hữu	Trí	30/07/2006	C26LG1				L2
22	2410150029	Trần Thị Thanh	Trúc	22/07/2005	C26LG1		7.5	bảy, năm	
23	2410150010	Nguyễn Đăng	Trường	12/10/2003	C26LG1		8	tám	
24	2410150025	Ông Thị Mỹ	Tú	25/10/2006	C26LG1		7	bảy	
25	2410150006	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	23/04/2006	C26LG1		7.5	bảy, năm	
26	2410150017	Phạm Ngọc Đan	Vy	23/08/2006	C26LG1		7	bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 1 . Số bài thi: 25 / 25 .

Ngày: 25 tháng 6 năm 2025

Ngày: 24 tháng 6 năm 2025

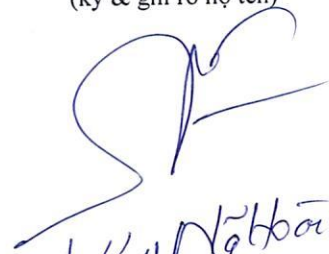
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)


Trưởng Khoa/Bộ Môn


Lương Nghĩa Hinh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng căn bản - MH1104302

Mã lớp học phần: 24311MH110430201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 19/1/2025 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1-12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu	An	09/10/2005	C26LG1		5.5	năm, nữ	
2	2410150015	Nguyễn Nhật	An	18/10/2006	C26LG1		9	chín	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc	Bảo	14/05/2006	C26LG1		6	sáu	
4	2410150016	Lê Trần Gia	Bảo	14/08/2006	C26LG1		9.5	chín	L2
5	2410150014	Nguyễn Ngọc	Diệu	22/10/2006	C26LG1		6.5	sáu, năm	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004	C26LG1		9.5	chín, năm	
7	2410150004	Nguyễn	Đạt	29/7/2006	C26LG1		6	sáu	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng	Gia	09/01/2005	C26LG1		9.5	chín, năm	
9	2410150022	Trần Gia	Hân	26/08/2006	C26LG1		6	sáu	
10	2410150030	Nguyễn Thanh	Khiêm	14/10/2006	C26LG1		7	bảy	
11	2410150021	Lê Bá Đăng	Khoa	18/12/2006	C26LG1		5.5	năm, năm	
12	2410150023	Phạm Anh	Khôi	23/10/2006	C26LG1		7	bảy	
13	2410150013	Võ Thị Kiều	Lam	20/11/2006	C26LG1		9	chín	
14	2410150011	Phạm Thị Yến	Nhi	22/09/2006	C26LG1		9	chín	
15	2410150020	Lê Hữu	Nhật	19/10/2005	C26LG1		6	sáu	L2
16	2410150024	Nguyễn Minh	Tấn	02/05/2006	C26LG1		7	bảy	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc	Thảo	27/10/2006	C26LG1		5.5	năm, năm	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch	Thảo	31/10/2006	C26LG1		7.5	bảy, năm	
19	2410010013	Ngô Thiên	Thuận	10/11/2006	C26LG1		7	bảy	
20	2410150002	Lê Anh	Thư	19/01/2003	C26LG1		9	chín	
21	2410150019	Nguyễn Hữu	Trí	30/07/2006	C26LG1				L2
22	2410150029	Trần Thị Thanh	Trúc	22/07/2005	C26LG1		9	chín	
23	2410150010	Nguyễn Đăng	Trường	12/10/2003	C26LG1		7	bảy	
24	2410150025	Ông Thị Mỹ	Tú	25/10/2006	C26LG1		7.5	bảy, năm	
25	2410150006	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	23/04/2006	C26LG1		4.5	bốn, năm	
26	2410150017	Phạm Ngọc Đan	Vy	23/08/2006	C26LG1		6.5	sáu, năm	

Lưu ý: * - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 1 . Số bài thi: 25 / 25 .

Ngày: 25 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

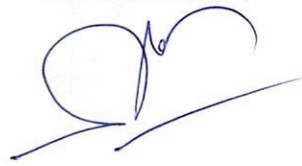
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày: 24 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Huỳnh Ngộ Hòa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng căn bản - MH1104302

Mã lớp học phần: 24311MH110430201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 22/12/2025 Giờ thi: 18h Phòng thi: A.12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên	Anh	28/05/2006	C26LG2		7	bảy	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	29/11/2006	C26LG2				L2
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng	Dương	18/02/2003	C26LG2		7	bảy	
4	2410150031	Thị Cẩm	Giang	04/11/2006	C26LG2		8.5	tám, năm	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức	Hòa	24/05/2006	C26LG2		6	sáu	
6	2410100011	Phan Văn	Khải	21/10/2005	C26LG2		6	sáu	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc	Khánh	10/09/2006	C26LG2		7.5	bảy, năm	
8	2410150046	Nguyễn Lộc Anh	Khoa	13/03/2001	C26LG2				
9	2410150039	Trần Hoàng Bảo	Luân	18/06/2006	C26LG2		6	sáu	
10	2410150038	Nguyễn Thành	Luông	06/03/2006	C26LG2		6.5	sáu, năm	
11	2410150036	Vô Thị Như	Ngọc	10/06/2006	C26LG2		7.5	bảy, năm	
12	2410150050	Phan Yến	Nhi	20/12/2005	C26LG2				
13	2410150045	Nguyễn Phan Minh	Nhật	30/08/2006	C26LG2		6.5	sáu, năm	
14	2410150042	Nguyễn Thanh	Phong	27/12/2006	C26LG2				L2
15	2410150056	Trần Vũ Thanh	Phong	19/04/2006	C26LG2		6	sáu	
16	2410150055	Nguyễn Trần Minh	Tân	05/06/2005	C26LG2		6	sáu	
17	2410150032	Danh Thị Hồng	Thái	24/07/2006	C26LG2		7.5	bảy, năm	
18	2410150047	Đặng Thị Mỹ	Tiên	22/05/2005	C26LG2		7	bảy	
19	2410150053	Lâm Bảo	Trọng	15/05/2006	C26LG2		7	bảy	
20	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh	Trúc	25/12/2006	C26LG2		7	bảy	
21	2410150048	Nguyễn Ngọc	Tuấn	26/12/2006	C26LG2				L2
22	2410170040	Nguyễn Khánh	Vi	18/12/2004	C26LG2		8.5	tám, năm	
23	2410160018	Nguyễn Thị Kiều	Vi	20/08/2006	C26LG2		7.5	bảy, năm	
24	2410150033	Lê Nguyễn Như	Ý	17/02/2006	C26LG2		8	tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 19 vắng thi: 5. Số bài thi: 19 / 19.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025

Ngày 14 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Luu Ng Hoa Linh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng căn bản - MH1104302

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110430201 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 19/6/2025 Giờ thi: 10h Phòng thi: A.12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		7	bảy	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		7	bảy	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2	Giang	7.5	bảy năm	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		6	sáu	
6	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		6	sáu	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		7.5	bảy năm	
8	2410150046	Nguyễn Lộc Anh Khoa	13/03/2001	C26LG2				
9	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		7.5	bảy năm	
10	2410150038	Nguyễn Thành Luân	06/03/2006	C26LG2		6	sáu	
11	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2	Ngoc	6.5	sáu năm	
12	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
13	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		5	năm	
14	2410150042	Nguyễn Thanh Phong	27/12/2006	C26LG2				
15	2410150056	Trần Vũ Thanh Phong	19/04/2006	C26LG2		6	sáu	
16	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2		7.5	bảy năm	
17	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		8	tám	
18	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		5.5	năm năm	
19	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006	C26LG2		6	sáu	
20	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		6	sáu	
21	2410150048	Nguyễn Ngọc Tuấn	26/12/2006	C26LG2				
22	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		7.5	bảy năm	
23	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		8.5	tám năm	
24	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		6	sáu	

- Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 19 vắng thi: 5 . Số bài thi: 19 / 19 .

Ngày: 15 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày: 14 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lý Ng Hoa

TRU

1

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng căn bản - MH1104302

Mã lớp học phần: 24311MH110430201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 22/5/2025 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ	Anh	19/01/2006	C26TM1		9	chín	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	Đoan	11/05/2006	C26TM1		8	tám	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	Hân	17/07/2006	C26TM1		8.5	tám, năm	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ	Hoa	18/03/2006	C26TM1		8	tám	
5	2410160011	Phạm Văn	Hoàng	17/05/2000	C26TM1		9	chín	
6	2410160012	Nguyễn Minh	Huy	07/09/2006	C26TM1		7	bảy	
7	2410160004	Phan Nhật	Huy	10/7/2004	C26TM1		7.5	bảy, năm	
8	2410160022	Lê Ngọc	Huỳnh	30/01/2006	C26TM1		7.5	bảy, năm	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	02/05/2006	C26TM1		6.5	sáu, năm	
10	2410160027	Nguyễn Đăng	Khôi	27/08/2006	C26TM1		6	sáu	
11	2410160016	Đào Thị Ngọc	Loan	28/12/2006	C26TM1		7.5	bảy, năm	
12	2410160019	Dương Hiểu	Ly	04/04/2000	C26TM1		7	bảy	
13	2410160015	Phạm Trần Thảo	My	16/02/2006	C26TM1		8	tám	
14	2410160002	Nguyễn Gia Ái	Nghi	20/02/2006	C26TM1		8.5	tám, năm	
15	2410160020	Đào Thị Hồng	Ngọc	23/08/2006	C26TM1		7	bảy	
16	2410160006	Trần Thị Kiều	Oanh	19/05/2004	C26TM1		7.5	bảy, năm	
17	2410160003	Tổng Đức	Phát	25/11/2002	C26TM1		8.5	tám, năm	
18	2410160001	Trần Lâm	Phát	11/11/2005	C26TM1		7	bảy	
19	2410160005	Trần Huỳnh	Phong	26/10/2005	C26TM1		7	bảy	
20	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	Quỳnh	30/11/2006	C26TM1		8	tám	
21	2410160023	Nguyễn Như	Quỳnh	11/11/2006	C26TM1		7.5	bảy, năm	
22	2410100014	Nguyễn Lê Băng	Tâm	20/04/2006	C26TM1		8.5	tám, năm	
23	2410160007	Lâm Trung	Thành	10/07/1994	C26TM1		8.5	tám, năm	
24	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	Thi	06/11/2006	C26TM1		8	tám	
25	2410160014	Trương Thảo	Vy	26/04/2006	C26TM1		8	tám	
26	2410160025	Nguyễn Trần Hải	Yến	25/02/2006	C26TM1		8	tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 76 vắng thi: 0. Số bài thi: 24 / 24.

Ngày: 25 tháng 6 năm 2025

Ngày: 24 tháng 6 năm 2025

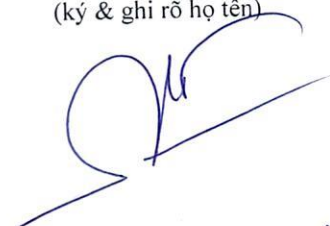
P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lương Thị Hoài Linh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng căn bản - MH1104302

Mã lớp học phần: 24311MH110430201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 19/6/2025 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	C26TM1		9	chín	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm Đoàn	11/05/2006	C26TM1		7	bảy	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	17/07/2006	C26TM1		4.5	bốn, năm	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006	C26TM1		6	sáu	
5	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000	C26TM1		9	chín	
6	2410160012	Nguyễn Minh Huy	07/09/2006	C26TM1		6.5	sáu, năm	
7	2410160004	Phan Nhật Huy	10/7/2004	C26TM1		8	tám	
8	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006	C26TM1		7.5	bảy, năm	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/05/2006	C26TM1		5	năm	
10	2410160027	Nguyễn Đăng Khôi	27/08/2006	C26TM1		5.5	năm, năm	
11	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006	C26TM1		8	tám	
12	2410160019	Dương Hiếu Ly	04/04/2000	C26TM1		8	tám	
13	2410160015	Phạm Trần Thảo My	16/02/2006	C26TM1		6	sáu	
14	2410160002	Nguyễn Gia Ái Nghi	20/02/2006	C26TM1		9	chín	
15	2410160020	Đào Thị Hồng Ngọc	23/08/2006	C26TM1		7.5	bảy, năm	
16	2410160006	Trần Thị Kiều Oanh	19/05/2004	C26TM1		9	chín	
17	2410160003	Tổng Đức Phát	25/11/2002	C26TM1		9.5	chín	
18	2410160001	Trần Lâm Phát	11/11/2005	C26TM1		6.5	sáu, năm	
19	2410160005	Trần Huỳnh Phong	26/10/2005	C26TM1		7	bảy	
20	2410160008	Huỳnh Thị Thoại Quyên	30/11/2006	C26TM1		7.5	bảy, năm	
21	2410160023	Nguyễn Như Quỳnh	11/11/2006	C26TM1		6.5	sáu, năm	
22	2410100014	Nguyễn Lê Băng Tâm	20/04/2006	C26TM1		6	sáu	
23	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994	C26TM1		10	mười	
24	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006	C26TM1		6	sáu	
25	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006	C26TM1		6.5	sáu, năm	
26	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yến	25/02/2006	C26TM1		6	sáu	

- Lưu ý:**
- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 46 vắng thi: 0. Số bài thi: 26 / 20.

Ngày: 17 tháng 6 năm... 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa.

Ngày: 17 tháng 6 năm... 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Thị Hoa. hih

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng căn bản - MH1104302

Mã lớp học phần: 24311MH110430201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 22/5/2025 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú	
1	2410160047	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	04/02/2005	C26TM2	Bảo	7	bảy	L2
2	2410160053	Trần Gia	Bảo	03/01/2006	C26TM2	B	7	bảy	
3	2410160029	Dương Tiến	Đạt	27/04/2006	C26TM2	Đạt	6	sáu	
4	2410160051	Võ Tấn	Hào	26/09/2005	C26TM2	Hào	7	bảy	
5	2410160044	Nguyễn Huy	Hoàng	15/12/2005	C26TM2	Hoàng	7	bảy	
6	2410160050	Nguyễn Thị Lệ	Hồng	22/11/2004	C26TM2	Phong	7	bảy	
7	2410160032	Đỗ Nhật	Huy	06/04/2005	C26TM2	Huy	8.5	tám rưỡi	
8	2410160038	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	15/07/2004	C26TM2	Khoa	8.5	tám rưỡi	
9	2410160052	Nguyễn Thành	Lâm	25/08/2003	C26TM2	Lâm	7	bảy	
10	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	03/12/2006	C26TM2	Như	6	sáu	
11	2410160039	Nguyễn	Phong	25/05/2006	C26TM2				L2
12	2410160031	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	16/06/2006	C26TM2	Thảo	7.5	bảy rưỡi	
13	2410160034	Nguyễn Hoàng	Thông	01/02/2006	C26TM2	Thông	6	sáu	
14	2410160030	Lê Anh	Thư	19/08/2006	C26TM2	Thư	7.5	bảy rưỡi	
15	2410160033	Trần Thị Cẩm	Thy	01/06/2006	C26TM2	Thy	7.5	bảy rưỡi	
16	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều	Trinh	13/11/2006	C26TM2	Trinh	6	sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 1 Số bài thi: 15 / 15

Ngày: 25 tháng 6 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày: 24 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Nguyễn Hoài Linh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng căn bản - MH1104302

Mã lớp học phần: 24311MH110430201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 19/6/2025 Giờ thi: 10h Phòng thi: 112

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160047	Nguyễn Phạm Gia Bảo	04/02/2005	C26TM2	Bảo	6	Sáu	L2
2	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006	C26TM2	B	6	sáu	
3	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006	C26TM2	Dat	6	Sáu	
4	2410160051	Võ Tấn Hào	26/09/2005	C26TM2	Hào	6.5	Sáu, năm	
5	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005	C26TM2	Hoàng	5.5	năm, rưỡi	
6	2410160050	Nguyễn Thị Lệ Hồng	22/11/2004	C26TM2	Phong	5.5	năm, rưỡi	
7	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005	C26TM2	Huy	9	chín	
8	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004	C26TM2	Khoa	4	bốn	
9	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003	C26TM2	Lâm	6	Sáu	
10	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006	C26TM2	như	6.5	Sáu, năm	
11	2410160039	Nguyễn Phong	25/05/2006	C26TM2				L2
12	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006	C26TM2	thao	6	Sáu	
13	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006	C26TM2	Thông	6.5	Sáu, năm	
14	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006	C26TM2	Thư	6	Sáu	
15	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006	C26TM2	Thy	6.5	Sáu, năm	
16	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006	C26TM2	Trinh	6.5	Sáu năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 1 Số bài thi: 15

Ngày: 20 tháng 6 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 20 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Nguyễn Hoài Linh

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng căn bản - MH1104302

Mã lớp học phần: 24311MH110430201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ngày thi: 21/07/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Nguyễn Văn Trinh

Ký tên: 

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên: 

Giám thị 3: Cao Thế Oanh

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005					C26LG1	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006					C26LG1	
3	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006					C26LG2	
4	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006					C26TM1	
5	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006					C26LG1	
6	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006					C26LG1	
7	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006					C26TM2	
8	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006					C26LG1	
9	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004					C26LG1	
10	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003					C26LG2	
11	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006					C26TM2	
12	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006					C26LG1	
13	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm Đoan	11/05/2006					C26TM1	
14	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005					C26LG1	
15	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006					C26LG2	
16	2410160051	Võ Tấn Hào	26/09/2005					C26TM2	
17	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải Hân	17/07/2006					C26TM1	
18	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006					C26LG1	
19	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006					C26TM1	
20	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005					C26TM2	
21	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000					C26TM1	
22	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006					C26LG2	
23	2410160050	Nguyễn Thị Lệ Hồng	22/11/2004					C26TM2	
24	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005					C26TM2	
25	2410160012	Nguyễn Minh Huy	07/09/2006					C26TM1	
26	2410160004	Phan Nhật Huy	10/7/2004					C26TM1	
27	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006					C26TM1	
28	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/05/2006					C26TM1	
29	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005					C26LG2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006					C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 30 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 30 / 30 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày 1 tháng 8 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lily Nguyễn Hoàng Linh

**TRƯỜNG
 PHÒNG
 BẢO ĐẢ**

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Chuỗi cung ứng căn bản

Mã bài thi: HX38LY

Thời gian thi: 21/07/2025 09:30:00

Thời gian kết thúc: 21/07/2025 10:30:00

Giám thị 1: Nguyễn Thị Ngọc Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Nguyễn Thị Ngọc Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26LG1	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26LG1	
3	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	<u>[Signature]</u>	4.5	Bốn, năm	C26LG2	
4	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	<u>[Signature]</u>	8.5	Tám, năm	C26TM1	
5	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26TM2	
6	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26LG1	
7	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26LG1	
8	2410150004	Nguyễn Đạt	29/07/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26LG1	
9	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006	<u>[Signature]</u>	3	Ba	C26TM2	
10	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26LG1	
11	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm Đoàn	11/05/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26TM1	
12	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu, năm	C26LG2	
13	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C26LG1	
14	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu, năm	C26LG1	
15	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26LG2	
16	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26LG1	
17	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải Hân	17/07/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26TM1	
18	2410160051	Võ Tấn Hào	26/09/2005	<u>[Signature]</u>	3.2	Ba, hai	C26TM2	
19	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26TM1	
20	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	<u>[Signature]</u>	3.5	Ba, năm	C26LG2	
21	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26TM1	
22	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005	<u>[Signature]</u>	2.8	Hai, tám	C26TM2	
23	2410160050	Nguyễn Thị Lệ Hồng	22/11/2004	<u>[Signature]</u>	3	Ba	C26TM2	
24	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/05/2006	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26TM1	
25	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26TM2	
26	2410160012	Nguyễn Minh Huy	07/09/2006	<u>[Signature]</u>	2.8	Hai, tám	C26TM1	
27	2410160004	Phan Nhật Huy	10/07/2004	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26TM1	
28	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu, năm	C26TM1	
29	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26LG2	
30	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26LG2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 30

Số sinh viên đạt: 22

Ngày 02 tháng 8 năm 2025
TRƯỜNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Sơn

Ngày 1 tháng 8 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Thị Ngọc

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QTDN

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng căn bản - MH1104302

Giám thị 1: Dương Minh Tâm

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110430201 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Trần Văn Long

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 21/07/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006					C26TM2	
2	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006					C26LG1	
3	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006					C26LG1	
4	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006					C26LG2	
5	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006					C26TM1	
6	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006					C26TM2	
7	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006					C26LG1	
8	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003					C26LG1	
9	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006					C26TM2	
10	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006					C26TM2	
11	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005					C26LG2	
12	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006					C26TM2	
13	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006					C26LG2	
14	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006					C26LG2	
15	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005					C26LG1	
16	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003					C26LG1	
17	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006					C26LG1	
18	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006					C26LG1	
19	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004					C26LG2	
20	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006					C26LG2	
21	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006					C26LG1	
22	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006					C26TM1	
23	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yến	25/02/2006					C26TM1	
24	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006					C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 00. Số bài thi/Số tờ: /

Số sinh viên đạt: Tỷ lệ đạt: %

Ngày 02 tháng 7 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa

Ngày 01 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lương Nguyễn Hoài Linh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Chuỗi cung ứng căn bản

Mã bài thi: U3XZB2

Thời gian thi: 21/07/2025 09:30:00

Thời gian kết thúc: 21/07/2025 10:30:00

Giám thị 1: Đ.M. Tâm Ký tên: Tâm
Giám thị 2: G.V. Long Ký tên: Long
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	<u>Thái</u>	4	Bốn	C26LG2	
2	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	<u>Thảo</u>	5.2	Năm, hai	C26LG1	
3	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	<u>Thảo</u>	4.2	Bốn, hai	C26LG1	
4	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006	<u>Thảo</u>	7.2	Bảy, hai	C26TM2	
5	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006	<u>Thi</u>	5.5	Năm, năm	C26TM1	
6	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006	<u>Thông</u>	4	Bốn	C26TM2	
7	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006	<u>Thư</u>	4	Bốn	C26TM2	
8	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	<u>Thư</u>	7.8	Bảy, tám	C26LG1	
9	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	<u>Thuận</u>	7.5	Bảy, năm	C26LG1	
10	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006	<u>Thy</u>	6	Sáu	C26TM2	
11	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	<u>Tiên</u>	3.2	Ba, hai	C26LG2	
12	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006	<u>Trinh</u>	8.8	Tám, tám	C26TM2	
13	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006	<u>Trọng</u>	3.5	Ba, năm	C26LG2	
14	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	<u>Trúc</u>	4.8	Bốn, tám	C26LG2	
15	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	<u>Trúc</u>	8	Tám	C26LG1	
16	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	<u>Trường</u>	4.8	Bốn, tám	C26LG1	
17	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	<u>Tú</u>	6	Sáu	C26LG1	
18	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	<u>Uyên</u>	2.8	Hai, tám	C26LG1	
19	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	<u>Vi</u>	5.5	Năm, năm	C26LG2	
20	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	<u>Vi</u>	6.8	Sáu, tám	C26LG2	
21	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006	<u>Vy</u>	4.2	Bốn, hai	C26TM1	
22	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	<u>Vy</u>	5.5	Năm, năm	C26LG1	
23	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	<u>Ý</u>	5.5	Năm, năm	C26LG2	
24	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yến	25/02/2006	<u>Yến</u>	5.2	Năm, hai	C26TM1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 24

Số sinh viên đạt: 21

Ngày 02 tháng 8 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Trần Thị Hoa

Ngày 1 tháng 8 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hoài Linh
Nguyễn Hoài Linh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Chuỗi cung ứng căn bản - MH1104302

Giám thị 1: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên: Thu

Mã lớp học phần: 24311MH110430201 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Lê Trung San

Ký tên: San

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh

Giám thị 3: Cao Thế OanhKý tên: Oanh

Ngày thi: 21/07/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150030	Nguyễn Thanh	Khiêm	14/10/2006	<u>Sing</u>				C26LG1	
2	2410150021	Lê Bá Đăng	Khoa	18/12/2006	<u>hoa</u>				C26LG1	
3	2410160038	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	15/07/2004	<u>hoa</u>				C26TM2	
4	2410160027	Nguyễn Đăng	Khôi	27/08/2006	<u>khôi</u>				C26TM1	
5	2410150023	Phạm Anh	Khôi	23/10/2006	<u>xy</u>				C26LG1	
6	2410150013	Võ Thị Kiều	Lam	20/11/2006	<u>ky</u>				C26LG1	
7	2410160052	Nguyễn Thành	Lâm	25/08/2003	<u>ky</u>				C26TM2	
8	2410160016	Đào Thị Ngọc	Loan	28/12/2006	<u>loan</u>				C26TM1	
9	2410150039	Trần Hoàng Bảo	Luân	18/06/2006	<u>quan</u>				C26LG2	
10	2410150038	Nguyễn Thành	Luông	06/03/2006	<u>juny</u>				C26LG2	
11	2410160019	Dương Hiếu	Ly	04/04/2000	<u>thuy</u>				C26TM1	
12	2410160015	Phạm Trần Thảo	My	16/02/2006	<u>thao</u>				C26TM1	
13	2410160002	Nguyễn Gia Ái	Nghi	20/02/2006	<u>ngai</u>				C26TM1	
14	2410160020	Đào Thị Hồng	Ngọc	23/08/2006	<u>Bu</u>				C26TM1	
15	2410150036	Võ Thị Như	Ngọc	10/06/2006	<u>ngoc</u>				C26LG2	
16	2410150011	Phạm Thị Yến	Nhi	22/09/2006	<u>xy</u>				C26LG1	
17	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	03/12/2006	<u>nhu</u>				C26TM2	
18	2410150020	Lê Hữu	Nhật	19/10/2005	<u>nhut</u>				C26LG1	
19	2410150045	Nguyễn Phan Minh	Nhật	30/08/2006	<u>ky</u>				C26LG2	
20	2410160006	Trần Thị Kiều	Oanh	19/05/2004	<u>oanh</u>				C26TM1	
21	2410160003	Tổng Đức	Phát	25/11/2002	<u>tho</u>				C26TM1	
22	2410160001	Trần Lâm	Phát	11/11/2005	<u>ky</u>				C26TM1	
23	2410160005	Trần Huỳnh	Phong	26/10/2005	<u>phong</u>				C26TM1	
24	2410150056	Trần Vũ Thanh	Phong	19/04/2006	<u>xy</u>				C26LG2	
25	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	Quỳnh	30/11/2006	<u>quynh</u>				C26TM1	
26	2410160023	Nguyễn Như	Quỳnh	11/11/2006	<u>quynh</u>				C26TM1	
27	2410100014	Nguyễn Lê Băng	Tâm	20/04/2006	<u>ky</u>				C26TM1	
28	2410150055	Nguyễn Trần Minh	Tân	05/06/2005	<u>ky</u>				C26LG2	
29	2410150024	Nguyễn Minh	Tấn	02/05/2006	<u>ky</u>				C26LG1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994					C26TM1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 30 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 30 / 30 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Ng Hoa Linh



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Chuỗi cung ứng căn bản

Mã bài thi: I4W0PC

Thời gian thi: 21/07/2025 09:30:00

Thời gian kết thúc: 21/07/2025 10:30:00

Giám thị 1: T.T.N. Thu Ký tên: 
Giám thị 2: K. Tuyền San Ký tên: 
Giám thị 3: Cao Thị Oanh Ký tên: 
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006		2.2	Hai, hai	C26LG1	
2	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006		4.2	Bốn, hai	C26LG1	
3	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004		4.8	Bốn, tám	C26TM2	
4	2410160027	Nguyễn Đăng Khôi	27/08/2006		4.5	Bốn, năm	C26TM1	
5	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006		3	Ba	C26LG1	
6	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006		8	Tám	C26LG1	
7	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003		4.5	Bốn, năm	C26TM2	
8	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006		3.2	Ba, hai	C26TM1	
9	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006		3.5	Ba, năm	C26LG2	
10	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006		1.5	Một, năm	C26LG2	
11	2410160019	Dương Hiếu Ly	04/04/2000		5.2	Năm, hai	C26TM1	
12	2410160015	Phạm Trần Thảo My	16/02/2006		8	Tám	C26TM1	
13	2410160002	Nguyễn Gia Ái Nghi	20/02/2006		8.8	Tám, tám	C26TM1	
14	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006		5.8	Năm, tám	C26LG2	
15	2410160020	Đào Thị Hồng Ngọc	23/08/2006		7.2	Bảy, hai	C26TM1	
16	2410150011	Phạm Thị Yên Nhi	22/09/2006		6.8	Sáu, tám	C26LG1	
17	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006		6.2	Sáu, hai	C26TM2	
18	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005		7	Bảy	C26LG1	
19	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006		2.8	Hai, tám	C26LG2	
20	2410160006	Trần Thị Kiều Oanh	19/05/2004		7.5	Bảy, năm	C26TM1	
21	2410160003	Tổng Đức Phát	25/11/2002		6	Sáu	C26TM1	
22	2410160001	Trần Lâm Phát	11/11/2005		3.5	Ba, năm	C26TM1	
23	2410160005	Trần Huỳnh Phong	26/10/2005		5	Năm	C26TM1	
24	2410150056	Trần Vũ Thanh Phong	19/04/2006		5	Năm	C26LG2	
25	2410160008	Huỳnh Thị Thoại Quyên	30/11/2006		6.8	Sáu, tám	C26TM1	
26	2410160023	Nguyễn Như Quỳnh	11/11/2006		7.2	Bảy, hai	C26TM1	
27	2410100014	Nguyễn Lê Băng Tâm	20/04/2006		5	Năm	C26TM1	
28	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005		6.5	Sáu, năm	C26LG2	
29	2410150024	Nguyễn Minh Tân	02/05/2006		8.2	Tám, hai	C26LG1	
30	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994		9	Chín	C26TM1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

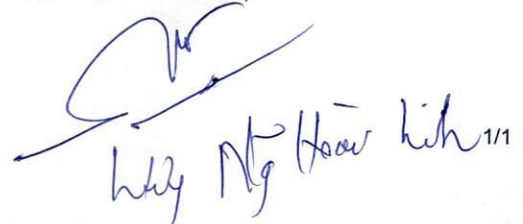
Số sinh viên dự thi: 30

Số sinh viên đạt: 23

Ngày 02 tháng 8 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa.

Ngày 1 tháng 8 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Thị Hoàng Linh 1/1